



DANH SÁCH THÍ SINH VÀO VÒNG 3 HỘI THI TOEFL JUNIOR CHALLENGE 2018-2019
(Sắp xếp theo Trường)



Test date: 31/Mar/19

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: HỒ CHÍ MINH

TỔNG SỐ THÍ SINH ĐƯỢC VÀO VÒNG 3: 100

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu		Ngữ pháp và Từ vựng		Độc hiểu		Tổng điểm		Điểm Lexile
								Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	
1	NGUYEN DUNG	29-Mar-05	88700061	Khối 8	8	DL ĐÌNH THIÊN LÝ		300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
2	PHAM QUANG MINH	18-May-05	88700056	Khối 8	8	THPT CHUYÊN TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
3	HUYNH TUAN KIET	10-Sep-04	88700063	Khối 9	9	THCS ĐỒNG KHỞI	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
4	VO KHANH TRUC QUAN	8-Jun-04	88700065	Khối 9	9	THCS VÂN ĐỒN	QUẬN 4	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
5	VO MINH TIEN	23-Mar-04	88411769	Khối 9	9	THCS TÂN TẠO A	QUẬN BÌNH TÂN	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
6	BUI MINH DUY	26-Oct-06	88407126	Khối 7	7/33	DL QUỐC TẾ Á CHÂU	QUẬN 10	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
7	PHAN TRONG TUE	30-Jan-06	88407594	Khối 7	7/14	DL QUỐC TẾ Á CHÂU	QUẬN 10	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
8	HOANG PHUC	14-Feb-07	88409776	Khối 6	6/1	THCS BẠCH ĐẰNG	QUẬN 3	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
9	PHAN DO ANH THU	5-Jul-06	88419079	Khối 7	7/1	THCS AN LẠC	QUẬN BÌNH TÂN	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
10	NGUYEN HUYNH ANH	14-Sep-04	88414126	Khối 9	9/1	THCS TRƯỜNG THỌ	QUẬN THỦ ĐỨC	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
11	NGUYEN HUYNH MINH CHI	17-Mar-04	88414110	Khối 9	9/1	THCS TRƯỜNG THỌ	QUẬN THỦ ĐỨC	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
12	BUI LINH NHI	3-Jul-06	88404833	Khối 7	7/4	DL QUỐC TẾ CANADA (BCIS)	QUẬN 7	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu		Ngữ pháp và Từ vựng		Độc hiểu		Tổng điểm		Điểm Lexile
									Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	
13	PHAM VU MINH	KHOA	8-Dec-05	88412385	Khối 8	8/4	THCS VĂN LANG	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
14	NGUYEN NHAT	QUANG	20-May-04	88405827	Khối 9	9/5	THCS HƯNG BÌNH	QUẬN 9	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
15	NGUYEN KHANH	TRANG	12-Mar-03	88419122	Khối 9	9/9	THCS AN LẠC	QUẬN BÌNH TÂN	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
16	PHAM MY LAN	ANH	1-Feb-06	88421514	Khối 7	7/10	THCS BA ĐÌNH	QUẬN 5	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
17	NGUYEN HOANG BAO	HAN	6-Sep-07	88407536	Khối 6	6/23	DL QUỐC TẾ Á CHÂU	QUẬN 10	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
18	NGUYEN THI KIM	NGOC	1-Sep-05	88407132	Khối 8	8/26	DL QUỐC TẾ Á CHÂU	QUẬN 10	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
19	TRAN DIEU	LINH	24-Mar-07	88404728	Khối 6	6/R1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
20	NGUYEN DUC BAO	KHOI	7-Oct-07	88413207	Khối 6	6A14	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
21	DANG NGOC PHUONG NAM		7-Mar-07	88417121	Khối 6	6A7	THCS NGUYỄN VĨNH NGHIỆP	QUẬN 12	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
22	HUYNH NGOC DANG	KHOA	15-Mar-07	88400465	Khối 6	6H3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN PHÚ NHUẬN	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
23	NGUYEN HUYNH TUAN ANH		25-Feb-06	88413335	Khối 7	7A10	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
24	NGUYEN PHAN TUAN	KIET	11-May-06	88700034	Khối 7	7A11	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
25	DO GIA	HUY	14-Nov-06	88413391	Khối 7	7A15	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
26	CAO DANG	KHIET	11-Oct-06	88413393	Khối 7	7A15	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
27	VU HOANG KHOI	NGUYEN	12-Sep-06	88421385	Khối 7	7A2	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
28	LE HOANG	LONG	18-Mar-06	88413268	Khối 7	7A4	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
29	NGUYEN NGOC BAO	TRAN	13-May-06	88412927	Khối 7	7A4	THCS TRẦN VĂN ƠN	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
30	TRUONG QUANG	PHUOC	19-Jul-05	88416339	Khối 8	8/G3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu		Ngữ pháp và Từ vựng		Độc hiểu		Tổng điểm		Điểm Lexile
								Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	
31	TRAN KHANG THINH	23-Feb-05	88700049	Khối 8	8/L1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 2	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
32	TRAN NHU KHANH	13-Apr-05	88404763	Khối 8	8/S3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
33	TRAN VU KHANH TRAN	22-Jan-05	88404761	Khối 8	8/S3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
34	TRAN DANG GIA BAO	2-Mar-05	88413404	Khối 8	8A1	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
35	LE NHA TRUC SON KHA	20-Oct-05	88414478	Khối 8	8A1	THCS LÊ QUÝ ĐÔN	QUẬN THỦ ĐỨC	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
36	LE NGUYEN DANG KHOA	29-Jan-05	88413458	Khối 8	8A10	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
37	VO LE TINH NHI	15-Mar-05	88413497	Khối 8	8A14	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
38	VO NGUYEN MY AN	5-Aug-05	88413418	Khối 8	8A2	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
39	NGUYEN HOANG KHOI	7-Jan-05	88700036	Khối 8	8A5	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
40	TRAN NGOC MINH	11-Oct-05	88415553	Khối 8	8B2	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
41	BUI LE THUC ANH	10-Dec-05	88400492	Khối 8	8H2	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN PHÚ NHUẬN	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
42	NGUYEN NGOC UYEN CHI	23-Aug-04	88420999	Khối 9	9A1	THCS NGÔ SỸ LIÊN	QUẬN TÂN BÌNH	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
43	PHAM HUU TUAN	6-Feb-04	88413545	Khối 9	9A10	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
44	NGUYEN BA THONG	29-Feb-04	88406346	Khối 9	9A2	THCS HOA LƯ'	QUẬN 9	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
45	TRAN HOANG THAN	5-Dec-04	88408737	Khối 9	9A8	THCS VÕ THÀNH TRANG	QUẬN TÂN PHÚ	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
46	NGUYEN HUNG THINH	20-Apr-04	88413524	Khối 9	9A8	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
47	NGO PHUONG HONG	5-Sep-04	88700002	Khối 9	9B2	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
48	DOAN NGOC YEN PHUONG	9-Apr-04	88420314	Khối 9	9B2	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu		Ngữ pháp và Từ vựng		Độc hiểu		Tổng điểm		Điểm Lexile
								Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	
49	PHAM NGOC KHANH LINH	24-Oct-07	88415860	Khối 6	6	THCS PHAN VĂN TRỊ	QUẬN GÒ VẤP	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
50	PHAM LE BINH MINH	1-May-07	88700055	Khối 6	6	THPT CHUYÊN TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
51	TRAN QUANG HUY	25-Apr-06	88403679	Khối 7	7	THCS VÂN ĐỒN	QUẬN 4	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
52	TRAN MAI KHANH HA	4-Jan-04	88418351	Khối 9	9	THCS NGUYỄN AN NINH	QUẬN 12	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
53	TANG DUC THANH	5-Oct-04	88407160	Khối 9	9/31	DL QUỐC TẾ Á CHÂU	QUẬN 10	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
54	NGUYEN QUANG THUAN	26-May-04	88402307	Khối 9	9/14	THCS TÂN BÌNH	QUẬN TÂN BÌNH	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
55	VO HUNG PHUONG	7-Apr-06	88419768	Khối 7	7/2	THCS TRẦN QUỐC TOẢN	QUẬN 2	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
56	TRUONG HA MY	3-Nov-07	88409854	Khối 6	6/3	THCS BẠCH ĐẰNG	QUẬN 3	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
57	VO NGUYEN VIET LINH	4-Sep-04	88404825	Khối 9	9/3	DL QUỐC TẾ CANADA (BCIS)	QUẬN 7	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
58	NGUYEN GIA HAN	9-Dec-05	88406536	Khối 8	8/4	THCS LÊ ANH XUÂN	QUẬN 11	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
59	NGUYEN TRAN ANH THU	30-Jun-05	88408749	Khối 8	8/4	THCS PHẠM VĂN CHIỂU	QUẬN GÒ VẤP	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
60	ONG THUY SI	10-Sep-06	88415824	Khối 7	7/5	THCS NGUYỄN DU	QUẬN GÒ VẤP	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
61	DO NGUYEN PHUONG NGHI	29-Aug-04	88700008	Khối 9	9/10	THCS BA ĐÌNH	QUẬN 5	300	B2	300	B2	295	B2	895	B2	1125L
62	NGUYEN BAO PHUC	7-Mar-07	88404731	Khối 6	6/R2	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
63	ARLONGKORNCHAI EMILY	1-Jan-07	88412996	Khối 6	6A1	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
64	HO NGOC ANH	10-Jul-07	88413044	Khối 6	6A4	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
65	PHAM QUOC DUNG	19-Jun-07	88413046	Khối 6	6A4	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
66	TRUONG LE HUY	1-Jan-07	88700019	Khối 6	6A5	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu		Ngữ pháp và Từ vựng		Độc hiểu		Tổng điểm		Điểm Lexile
								Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	
67	NGUYEN CAO KHANH NGOC	15-May-07	88412610	Khối 6	6A7	THCS HUỖNH KHUÔNG NINH	QUẬN 1	300	B2	300	B2	295	B2	895	B2	1125L
68	KHUAT DANG KHOI	8-Jul-07	88407945	Khối 6	6A8	THCS TRẦN PHÚ	QUẬN 10	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
69	LE CHAU ANH	11-Apr-07	88413143	Khối 6	6A9	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
70	DINH NHAT TAN	8-Aug-07	88400470	Khối 6	6H3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN PHÚ NHUẬN	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
71	NGUYEN NGOC HIEU	5-Sep-06	88416348	Khối 7	7/G3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
72	TRAN THANH DUY	22-May-06	88418644	Khối 7	7/L1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 2	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
73	TON THAT MINH NGUYEN	10-Oct-06	88421391	Khối 7	7A10	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
74	NGUYEN THIEN NHAN	18-Sep-06	88413238	Khối 7	7A2	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
75	LA HOAI DAN	10-May-05	88406249	Khối 7	7a3	THCS HOA LƯ	QUẬN 9	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
76	PHAN LE XUAN AI	1-Jun-06	88413276	Khối 7	7A5	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	295	B2	895	B2	1125L
77	VO KIM NGAN	25-Jan-06	88413317	Khối 7	7A8	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	295	B2	895	B2	1125L
78	PHAM DIEP KY AN	11-Mar-06	88413327	Khối 7	7A9	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
79	LE MINH DUC	29-Jan-06	88421389	Khối 7	7A9	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	300	B2	295	B2	895	B2	1125L
80	DO HUU VIET NGUYEN	10-Oct-06	88413332	Khối 7	7A9	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
81	NGUYEN MAI TRANG	2-Dec-06	88415585	Khối 7	7B1	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
82	TRUONG CONG TOAN	25-Apr-05	88420112	Khối 8	8/G3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	300	B2	300	B2	295	B2	895	B2	1125L
83	NGUYEN PHAM THANH LONG	15-Aug-05	88404738	Khối 8	8/R1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
84	TRUONG MY CAT TUONG	3-Aug-05	88413463	Khối 8	8A10	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu		Ngữ pháp và Từ vựng		Độc hiểu		Tổng điểm		Điểm Lexile
								Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	
85	PHAN NGUYEN KHANH LINH	18-Feb-05	88413475	Khối 8	8A11	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
86	DANG NGUYEN TUAN THANH	29-Jun-05	88413424	Khối 8	8A2	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
87	PHAM MY DUC ANH	20-Nov-05	88407355	Khối 8	8A7	DL QUỐC TẾ Á CHÂU	QUẬN 10	300	B2	300	B2	295	B2	895	B2	1125L
88	DAO ANH QUAN	15-Jul-05	88401791	Khối 8	8A7	THCS NGÔ QUYỀN	QUẬN TÂN BÌNH	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
89	TRAN ANH KIET	13-Sep-05	88406301	Khối 8	8T1	THCS HOA LƯ	QUẬN 9	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
90	SHAO DI TAM	16-May-04	88404777	Khối 9	9/S3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
91	VO LE VINH HIEN	11-Feb-04	88402088	Khối 9	9A1	THCS NGÔ SỸ LIÊN	QUẬN TÂN BÌNH	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
92	PHAN ANH KHOI	24-Sep-04	88413566	Khối 9	9A16	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
93	HUYNH NGUYEN MINH KHANG	14-Jan-04	88414556	Khối 9	9A2	THCS LÊ QUÝ ĐÔN	QUẬN THỦ ĐỨC	300	B2	300	B2	295	B2	895	B2	1125L
94	PHAM HO TUONG NGUYEN	13-Dec-04	88402757	Khối 9	9A4	THCS VÕ VĂN TẦN	QUẬN TÂN BÌNH	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
95	PHAN HOANG QUAN	12-Sep-04	88403039	Khối 9	9a5	THCS HOÀNG HOA THẨM	QUẬN TÂN BÌNH	300	B2	300	B2	295	B2	895	B2	1125L
96	DOAN NGOC TRUNG	2-Feb-04	88401982	Khối 9	9A7	THCS NGÔ QUYỀN	QUẬN TÂN BÌNH	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
97	NGUYEN HA PHUONG	1-Mar-04	88408700	Khối 9	9A8	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
98	TRAN DANG THIEN AN	17-Oct-04	88415508	Khối 9	9B2	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L
99	CHAU QUE CHI	15-Feb-04	88700003	Khối 9	9B2	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
100	LY ANH QUANG DUY	15-May-04	88400516	Khối 9	9H3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN PHÚ NHUẬN	295	B2	300	B2	300	B2	895	B2	1160L